

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **74/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 05- 8- 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thượng Trọng Ký

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Phạm Quang Ý;

2- Bà Đào Thị Thu Đoàn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Tín- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐST-DS ngày 23/7/2024, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Chị **Lý Thị Quỳnh N**; Sinh ngày : 06/04/1997

Địa chỉ thường trú: **Xóm G, Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.**

Chỗ ở hiện nay: **Đội 9, thôn M, Xã T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.**

2- *Bị đơn:* Anh **Đinh Hùng T**; Sinh ngày: 10/10/1991

Địa chỉ: **Xóm G, Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**

Chị **N** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **T** vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 29- 02- 2024, trong quá trình giải quyết vụ án chị **Lý Thị Quỳnh N** trình bày:*

Về hôn nhân: Chị **N** và anh **Đinh Hùng T** trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi** ngày 15 tháng 08 năm 2017 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bản gốc đã bị thất lạc mất nên chị **N** không có bản chính nộp cho Tòa án mà chỉ nộp bản trích lục kết hôn). Sau khi kết hôn vợ chồng Chị sống hạnh phúc đến tháng 01

năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị **N** và anh **T** bắt đầu quan điểm, anh **T** ham chơi không lo làm ăn, vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Nay, chị **N** xét thấy tình cảm với anh **T** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **N** yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh **Đình Hùng T**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên là **Đình Ngọc Bảo T1**, sinh ngày 11/06/2020. Hiện nay anh **T** đang nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị **N** đồng ý giao con cho anh **Đình Hùng T** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chị **N** đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Như không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Đình Hùng T** trình bày.*

Về quan hệ hôn nhân như chị **C** đã trình bày, về và mâu thuẫn vợ chồng thì trong quá trình chung sống do tính anh nóng nảy nên cũng có lúc vợ chồng cãi vã qua lại chủ yếu là về công việc làm của anh **T**, việc chăm sóc con cái và anh cũng có hai lần nói với chị **N** muốn đi đâu thì đi nên chị **N** bỏ đi sống riêng, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị **N** xin ly hôn thì Anh không đồng ý ly hôn, vì anh vẫn còn thương vợ con, không muốn gia đình tan vỡ.

Về con chung: Có 01 người con chung **Đình Ngọc Bảo T1**, sinh ngày 11/06/2020. Hiện nay anh **T** đang nuôi dưỡng. Vì anh mong muốn đoàn tụ nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Chị **N** có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh **T** vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị **N** và anh **T** tự tìm hiểu rồi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **S**, tỉnh **Quảng Ngãi** vào ngày 15/8/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị **N** có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị **N**, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị **N** và anh **T** sống không hợp nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình được và hiện nay phần ai nấy sống. Mặc dù anh **T** không đồng ý ly hôn nhưng chị **N** cương quyết ly hôn không muốn đoàn tụ với anh **T**. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ

chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **N** là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Xét thấy chị **Lý Thị Quỳnh N** và anh **Đinh Hùng T** có 01 con chung là tên là **Đinh Ngọc Bảo T1**, sinh ngày 11/06/2020. Hiện nay anh **T** đang nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị **N** đồng ý giao con cho anh **Đinh Hùng T** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chị **N** cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị **Lý Thị Quỳnh N** nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phần ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 238 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lý Thị Quỳnh N** đối với anh **Đinh Hùng T**.

1. Về hôn nhân: Chị **Lý Thị Quỳnh N** được ly hôn với anh **Đinh Hùng T**.

2. Về con chung: Giao con chung **Đinh Ngọc Bảo T1**, sinh ngày 11/06/2020 cho anh **Đinh Hùng T** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chị **Lý Thị Quỳnh N** cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của một bên, cả hai bên

hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị **Lý Thị Quỳnh N** nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phần ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002252 ngày 02-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Chị **Lý Thị Quỳnh N** còn phải nộp 300.000 đồng.

6. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thượng Trọng Ký

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quang Ý- Đào Thị Thu Đoàn

Thượng Trọng Ký

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh,
tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thượng Trọng Ký

